

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/12/2021

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Khánh.

Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Huy Cường.

- Ông Trần Thanh Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Việt - Thư ký tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa:
Bà Nèang Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 139/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc “ *Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn* ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 66/QĐST-HNGĐ ngày 22/11/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nèang Nh, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp Th, xã L, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Chau Săn Đ, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp Th, xã L, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Người phiên dịch: Ông Lục Tà Dung – Cán bộ Đài truyền thanh huyện Tịnh Biên.

(Chị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 10 tháng 4 năm 2021 và lời khai tại Tòa án, chị Neàng Nh trình bày:

Chị và anh Chau Săn Đ quen biết, do tự tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới năm 2007 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L huyện Tịnh Biên, An Giang. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc và chỉ được trong khoảng thời gian ngắn, chị và anh Đ xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, anh Đ thường hay ghen tuông vô cớ và đánh đập chị, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt khoảng năm 2019 chị và anh Đ sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị và anh Đ không có gặp nhau nói chuyện hàn gắn vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh Chau Săn Đ.

Về con chung: Chị và anh Chau Săn Đ có 02 con chung tên Neàng Sóc Đu, sinh ngày 14/02/2008 và Neàng Kim Sang, sinh ngày 30/9/2015, hiện chị Đng nuôi dạy, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Theo biên bản hòa giải, biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên Tòa anh Chau Săn Đ trình bày:

Anh và chị Neàng Nh quen biết, do tự tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới năm 2007 và đăng ký kết hôn, anh thừa nhận trong cuộc sống anh và chị Nh có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, anh và chị Nh sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân, anh và chị Nh không có gặp nhau nói chuyện hàn gắn vợ chồng. Nay chị Nh yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn, do anh còn tình cảm với chị Nh.

Về con chung: Anh và chị Nh có 02 con chung tên Neàng Sóc Đ1, sinh ngày 14/02/2008 và Neàng Kim S, sinh ngày 30/9/2015, hiện chị Nh đang nuôi dạy, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con, anh yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh và chị Nh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên Toà Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- *Thẩm phán:* Chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên Thẩm phán đề án trễ hạn xét xử theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Hội đồng xét xử:* Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- *Người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận cho chị Nh được ly hôn với anh Đ.

+ Về con chung: Chị Nh được tiếp tục nuôi dạy cháu 02 con chung tên Neàng Sóc Đ1, sinh ngày 14/02/2008 và Neàng Kim S, sinh ngày 30/9/2015 anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con (*do chị Nh không yêu cầu*).

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nh khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đ là bị đơn, hộ khẩu thường trú: Ấp Th, xã L, huyện Tịnh Biên, An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Neàng Nh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Chị Neàng Nh cho rằng khoảng năm 2007 chị và anh Đ được hai gia đình tổ chức lễ cưới, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lợi, huyện Tịnh Biên, An Giang; theo giấy chứng nhận kết hôn số: 23/2007 ngày 24/4/2007. Tại thời điểm kết hôn chị Nh và anh Đ đã đủ độ tuổi và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Theo chị Nh cho rằng cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, khoảng năm 2019 thì chị và anh Đ phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Trong quá trình giải quyết cũng như trong hòa giải, công bố chứng cứ tòa án cũng đã phân tích hậu quả của việc ly hôn, tuy nhiên chị Nh cương quyết giữ nguyên yêu cầu là xin ly hôn với anh Đ.

Anh Đ không đồng ý ly hôn, nhưng anh và chị Nh không có biện pháp gì để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ; nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân thì cũng không đem lại hạnh phúc, do đó yêu cầu ly hôn của chị Nh đối với anh Đ là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nh được ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về con chung:

Chị Nh và anh Đ có 02 con chung tên Neàng Sóc Đ1, sinh ngày 14/02/2008 và Neàng Kim S, sinh ngày 30/9/2015, hiện tại chị Nh đang nuôi dạy, khi ly hôn chị Nh cũng yêu cầu được tiếp tục nuôi con, đồng thời tại bản tự khai ngày 29/6/2021 cháu Neàng Sóc Đ1 có nguyện vọng được sống với mẹ; được sự xác nhận của chị Nh và anh Đ; để đảm bảo tâm sinh lý và cuộc sống bình yên giao cháu Du, và cháu Sang cho chị Nh được tiếp tục nuôi dạy là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Nh không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xemt xét.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị Nh và anh Đ xác nhận tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Nợ chung: không có.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nh khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường Vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Neàng Nh đối với anh Chau Săn Đ.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Neàng Nh được ly hôn với anh Chau Săn Đ.

2. *Về con chung:* Chị Nh được trực tiếp nuôi 02 con tên Neàng Sóc Đ1, sinh ngày 14/02/2008 và Neàng Kim S, sinh ngày 30/9/2015, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về án phí:* Chị Nh chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: TU/2019/0004451 ngày 16/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

Giấy chứng nhận kết hôn số: Giấy chứng nhận kết hôn số: 23/2007 ngày 24/4/2007 của Ủy ban nhân dân xã Tân Lợi, huyện Tịnh Biên, An Giang; không còn giá trị pháp lý.

4. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS.ND huyện Tịnh Biên;
- THA.DS huyện Tịnh Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Khánh